

ĐỊNH HƯỚNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
MÔN NGỮ VĂN LỚP 11 NĂM HỌC 2024-2025

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. PHÂN ĐỌC HIỂU

1. Ngữ liệu, văn bản ngoài chương trình SGK.

2. Kiến thức cơ bản về bài học 7,8 trong SGK.

a) Tuỳ bút, tản văn, truyện kí

b) Bi kịch

c) Một số kiến thức liên quan

- Các biện pháp nghệ thuật thường gặp như ẩn dụ, so sánh, điệp, nhân hoá, liệt kê, điệp, đối... Tác dụng của biện pháp tu từ.

- Các phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh

- Nội dung, tư tưởng, tình cảm, quan điểm... của tác giả

- Đồng tình hay không đồng tình với ý kiến, quan điểm? Vì sao?

- Bài học, thông điệp rút ra từ văn bản

II. PHẦN VIẾT

1. Kiểu bài: Viết bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống

2. Dàn ý:

Mở bài	Giới thiệu, dẫn dắt vấn đề cần nghị luận
Thân bài	Thực trạng Nguyên nhân Kết quả, hậu quả Giải pháp
Kết bài	Khẳng định vấn đề cần nghị luận; rút ra bài học nhận thức và hành động

B. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA

Thời gian làm bài 90 gồm 2 phần:

I. ĐỌC HIỂU (5 điểm)

Gồm 5 câu hỏi tự luận.

II. VIẾT (5 điểm)

Phần viết một câu: Viết bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống

C. MA TRẬN VÀ BẢNG ĐẶC TẢ

Khung ma trận đề 100% tự luận

TT	Kĩ năng	Nội dung kiến thức / Đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	

1	Đọc hiểu	Tuỳ bút, Tản văn, Truyện và kí Bi kịch	2	2	1		50
2	Viết	Viết bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống				1	50
Tổng			15%	25%	10%	50%	100
Tỉ lệ chung			40%		60%		

Bản đặc tả các mức độ kiểm tra, đánh giá định kì

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức /Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số lượng câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng %
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Đọc hiểu	1. Tuỳ bút, tản văn, truyện kí	Nhận biết: - Nhận biết được đề tài, cái tôi trữ tình, kết cấu của văn bản. - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu. - Nhận biết được các yếu tố tự sự và trữ tình; các yếu tố hư cấu và phi hư cấu trong văn bản. - Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong văn bản. Thông hiểu: - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cái tôi trữ tình, giọng điệu và mối quan hệ giữa các yếu tố này trong văn bản. - Phân tích được sự kết hợp giữa cốt tự sự và chất trữ tình; giữa hư cấu và phi hư cấu trong văn bản. - Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản. - Phân tích, lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện	Theo ma trận	Theo ma trận	Theo ma trận	Theo ma trận	50

			và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của văn bản. - Giải thích nghĩa của từ trong văn bản Vận dụng: - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản tới quan niệm của bản thân về cuộc sống hoặc văn học. - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra trong văn bản. - Đánh giá được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm của bản thân về văn học và cuộc sống.					
		2. Bi kịch	Nhận biết: - Nhận biết được đề tài, cốt truyện, nhân vật, hệ thống nhân vật trong bi kịch. - Nhận biết được mâu thuẫn, xung đột kịch trong bi kịch. - Nhận biết lời thoại, lời chỉ dẫn sân khấu và hành động của nhân vật bi kịch. - Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong bi kịch. Thông hiểu: - Phân tích được ý nghĩa, tác dụng của các yếu tố như cốt truyện, xung đột (xung đột bên trong và xung đột bên ngoài), ngôn ngữ, hành động kịch và mối quan hệ giữa các yếu					

			tổ này trong tính chỉnh thể của tác phẩm. - Phân tích, đánh giá được đặc điểm, ý nghĩa của nhân vật bi kịch; phân tích, đánh giá được mối quan hệ giữa các nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm. - Nêu và lí giải được chủ đề; yếu tố “bi”, hiệu ứng thanh lọc của bi kịch. - Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả trong văn bản; phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của vở kịch. Vận dụng: - Nêu được tác động của hiệu ứng thanh lọc trong bi kịch với bản thân. - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra trong vở kịch. - Đánh giá được tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn của bản thân về văn học, cuộc sống.					
2	Viết	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội	Nhận biết: - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận. - Mô tả được vấn đề xã hội và những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết.				1	50

		- Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. Thông hiểu: - Giải thích được những khái niệm liên quan đến vấn đề nghị luận. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội. - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận. Vận dụng cao: - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,... để tăng sức thuyết phục cho bài viết. - Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 11 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.					
Tỉ lệ %			30	40	20	10	100
Tỉ lệ chung			70		30		

ĐỀ MINH HỌA

**SỞ GD-ĐT LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT CÁT TIÊN**

(Đề kiểm tra gồm có 02 trang)

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2024-2025
MÔN : NGỮ VĂN – KHỐI 11**

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

Họ và tên thí sinh:.....Lớp:.....

I. ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)

TỜ HOA

(Nguyễn Tuân)

Đọc đoạn trích sau:

Tại một công trường làm đường Tây Bắc, 1966

Tôi nhìn ra cái tàu lặn nghiêng đá mặt đường mới, nhìn ra những kíp thợ xây dựng mở đường, nhìn ra một tổ ong của anh chị em làm đường vừa mang được ong chúa về. Cửa sổ buồng tôi viết, lúc nào cũng nhộn nhịp cánh tay người và những cánh ong quen dần với tổ mới. Ong bay trên trang sổ tay tôi. Ong tua tròn trên trang giấy chữ nhật trắng, như là tàu bay đảo nhiều vòng chờ lệnh hạ cánh xuống. Buồng bên có người bị ong đốt. Bởi vì người đó hoảng hốt vừa giết ong một cách không cần thiết, và người thấy mùi máu, bọn ong cùng tổ liền xông tới đốt. Rồi ong cũng lặn ra chết, tinh hồn xuất theo luôn với nọc đốt. Con ong bé cũng như con voi to, vốn tính lành nhưng khiêu khích chúng thì chúng đánh lại ngay, dẫu rằng có phải lấy bản mạng ra mà trả lời. Anh cán bộ địa chất liền cho tôi mượn một sổ tạp chí khoa học có mấy trang về nuôi ong. Giờ tôi mới biết rằng đó là một thế giới đầy sinh thú. Đời sống con ong để lại cho người đọc nó một bài học về kiên nhẫn, về cần lao, về tích lũy, chế tạo và sáng tạo. Người ta đã đánh dấu con ong, theo dõi nó, và thấy rằng cái giọt mật làm ra đó, là kết quả của 2.700.000 chuyến (bay) đi, đi từ tổ nó đến khắp các nơi có hoa quanh vùng. Và trong một nửa lít mật ong đóng chai, phân chắt ra được 5 vạn thứ hoa. Tính ra thành bước chân người thì tổng cộng đường bay của con ong đó là 8.000.000 cây số.

Giữa rừng Tây Bắc đầy hoa, đầy bướm, đầy ong, cái tôi thấy say say trong chính mình là dẫu không được một chuyến đi bằng một đời ong, mình cũng là một con sinh vật đang nung một thứ mật gì. Sự tích lũy ở mình cũng ngày ngày có giọt ra mà phần nào đem thơm thảo vào sự sống. Đôi hoa xuân lảng ong mật mà thêm ngấm tới đàn bướm tốt mã chấp chới bay, lộng lẫy những sắc phấn của sáo ngữ ồn ào. Bướm phù phiếm cũng bay vào hoa, nhưng cặp cánh hào nhoáng cũng chẳng để lại gì. Từ ngày có lịch sử tiến hóa của loài người, chưa ai dám nói đến mật bướm.

(Báo Văn Nghệ số 143 - Tết Bính Ngọ)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5

Câu 1. Xác định thể loại của văn bản.

Câu 2. Theo văn bản, đời sống con ong để lại cho người đọc những bài học gì?

Câu 3. Hãy phân tích tác dụng của yếu tố tự sự và trữ tình trong đoạn trích.

Câu 4. Giải thích nghĩa của từ in đậm trong câu văn sau: Giữa rừng Tây Bắc đầy hoa, đầy bướm, đầy ong, cái tôi thấy **say say** trong chính mình là dẫu không được một chuyến đi bằng một đời ong, mình cũng là một con sinh vật đang nung một thứ mật gì.

Câu 5. Từ văn bản phân đọc hiểu, hãy nêu bài học có ý nghĩa nhất đối với bản thân.

I. VIẾT (5,0 điểm)

Viết bài văn (khoảng 500 từ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về hiện tượng lạm dụng công nghệ AI trong học tập của học sinh hiện nay.

---Hết---

Tổ phó

Người lập đề cương

Ngô Thị Kim Chung

Nguyễn Thị Bình

